

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2022 của tỉnh Ninh Bình

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Điều 34 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 24/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 2670/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21/10/2022 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình báo cáo kết quả thực hiện thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, NGUỒN TÀI LIỆU THỰC HIỆN THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2022:

1. Tình hình tổ chức thực hiện:

Thực hiện Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 24/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Văn bản số 2670/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21/10/2022 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022. UBND tỉnh Ninh Bình đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, thực hiện cụ thể như sau:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình đã có Văn bản số 2727/STNMT-VPĐK ngày 27/10/2022 về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình gửi UBND các huyện, thành phố để triển khai công tác thống kê đất đai năm 2022.

Ngày 02/11/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai đã có Văn bản số 681/VPĐK-KTĐC&TTLT gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022

trên địa bàn toàn tỉnh theo đúng nội dung yêu cầu của Văn bản số 2727/STNMT-VPĐK ngày 27/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trên cơ sở kết quả thống kê đất đai năm 2021 đã được phê duyệt, các xã, phường, thị trấn đã tiến hành rà soát xử lý những tồn tại, hạn chế trong kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai năm 2021, đồng thời chỉnh lý các thửa đất có biến động về đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính trên hồ sơ địa chính và bản đồ khoanh đất trong kỳ thống kê năm 2022. Trên cơ sở đó sử dụng phần mềm của Tổng cục Quản lý đất đai đã xây dựng (TK Desktop) để tổng hợp báo cáo kết quả thống kê đất đai ở cấp xã.

Sau khi đã hoàn chỉnh số liệu cấp xã tại phần mềm của Tổng cục Quản lý đất đai đã xây dựng (TK Desktop); cấp xã tiến hành xuất data và bản đồ khoanh đất của từng xã đưa vào phần mềm kiểm kê đất đai trực tuyến qua hệ thống Website <http://tkonline.gdla.gov.vn/> của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trên cơ sở dữ liệu cấp xã gửi lên cấp huyện thông qua phần mềm kiểm kê đất đai trực tuyến (TK online), tổng hợp hệ thống biểu thống kê đất đai của cấp huyện. Cấp huyện nhập trực tiếp biểu 15/TKĐĐ trên phần mềm kiểm kê đất đai trực tuyến (TK online) và thực hiện đẩy dữ liệu cấp huyện lên cấp tỉnh.

2. Nguồn tài liệu thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022

- Hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ thống kê (các quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện; bản đồ khoanh đất...)

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019.

- Số liệu thống kê đất đai năm 2021.

Các tài liệu thu thập được đảm bảo độ tin cậy, có cơ sở pháp lý do các tài liệu đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các tài liệu trước khi sử dụng đều được kiểm tra, đánh giá so với mục đích, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo đủ điều kiện mới đưa vào thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2022:

1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất:

1.1. Phân theo mục đích sử dụng và cơ cấu % so với tổng diện tích tự nhiên:

a. Đất nông nghiệp: 99.623 ha, chiếm 70,57%, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 60.070 ha, chiếm 42,55%.

+ Đất trồng cây hàng năm: 50.161 ha, chiếm 35,53%.

Đất trồng lúa: 44.629 ha, chiếm 31,61%.

Đất trồng cây hàng năm khác: 5.532 ha, chiếm 3,92%.

+ Đất trồng cây lâu năm: 9.909 ha, chiếm 7,02%.

- Đất lâm nghiệp: 29.013 ha, chiếm 20,55%.

+ Đất rừng sản xuất 4.128 ha, chiếm 2,92%.

+ Đất rừng phòng hộ: 8.370 ha, chiếm 5,93%

- + Đất rừng đặc dụng: 16.515 ha, chiếm 11,70%
- Đất nuôi trồng thủy sản: 10.105 ha, chiếm 7,16%.
- Đất nông nghiệp khác: 435.0 ha, chiếm 0,31%.

b. Đất phi nông nghiệp: 37.264 ha, chiếm 26,39%, trong đó:

- Đất ở: 7.190 ha, chiếm 5,09%.
- + Đất ở tại nông thôn: 5.838 ha, chiếm 4,14%.
- + Đất ở tại đô thị: 1.352 ha, chiếm 0,96%.
- Đất chuyên dùng: 21.176 ha, chiếm 15,0%.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 165 ha, chiếm 0,12%.
- + Đất quốc phòng: 1.254 ha, chiếm 0,89%.
- + Đất an ninh: 427 ha, chiếm 0,30%.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.154 ha, chiếm 0,82%.
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 4.397 ha, chiếm 3,11%.
- + Đất có mục đích công cộng: 13.779 ha, chiếm 9,76%.
- Đất cơ sở tôn giáo: 189 ha, chiếm 0,13%.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 131 ha, chiếm 0,09%.
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 1.500 ha, chiếm 1,06%.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 5.164 ha, chiếm 3,66%.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1.886 ha, chiếm 1,34%.
- Đất phi nông nghiệp khác: 27 ha, chiếm 0,02%.

c. Đất chưa sử dụng: 4.292 ha, chiếm 3,04%, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng: 2.315 ha, chiếm 1,64%.
- Đất đồi núi chưa sử dụng: 718 ha, chiếm 0,51%.
- Núi đá không có rừng cây: 1.259 ha, chiếm 0,89%.

(Chi tiết tại Biểu 13/TKĐĐ)

1.2. Phân theo đối tượng quản lý, sử dụng đất và cơ cấu % so với tổng diện tích tự nhiên:

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 64.585 ha, chiếm 45,75%.
- Tổ chức kinh tế sử dụng: 9.968 ha, chiếm 7,06%.
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng: 36.327 ha, chiếm 25,73%.
- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 5.139 ha, chiếm 3,64%.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng: 192 ha, chiếm 0,14%.
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 430 ha, chiếm 0,30%.
- UBND cấp xã quản lý: 15.954 ha, chiếm 11,30%.
- Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: 65 ha, chiếm 0,05%.
- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 8.518 ha, chiếm 6,03%.

(Chi tiết tại Biểu 13/TKĐĐ)

2. Đánh giá tình hình biến động đất và phân tích nguyên nhân biến động giữa năm thống kê 2022 với số liệu thống kê năm 2021

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 toàn tỉnh đã thực hiện 1011 quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tổng diện tích: 206,0 ha. Cụ thể tại từng huyện, thành phố:

- Thành phố Ninh Bình: thực hiện 109 quyết định, với diện tích 26,03 ha.
- Thành phố Tam Điệp: thực hiện 184 quyết định, với diện tích 50,65 ha.
- Huyện Hoa Lư: thực hiện 13 quyết định, với diện tích 10,2 ha.
- Huyện Gia Viễn: thực hiện 191 quyết định, với diện tích 8,62 ha.
- Huyện Nho Quan: thực hiện 104 quyết định, với diện tích 33,5 ha.
- Huyện Yên Khánh: thực hiện 36 quyết định, với diện tích 31,73 ha.
- Huyện Yên Mô: thực hiện 90 quyết định, với diện tích 3,03 ha.
- Huyện Kim Sơn: thực hiện 284 quyết định, với diện tích 42,2 ha.

2.1. Diện tích đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 của tỉnh: 99.623 ha, so với thống kê đất đai năm 2021 giảm 187 ha trong đó:

- Đất trồng lúa giảm: 108 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác giảm: 18 ha.
- Đất trồng cây lâu năm giảm: 44 ha.
- Đất rừng sản xuất giảm: 2 ha.
- Đất rừng phòng hộ giảm: 3 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản giảm: 7 ha.
- Đất nông nghiệp khác tăng: 5 ha.

*** Phân tích nguyên nhân biến động:**

a. Đất trồng lúa giảm: 108,19 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,03 ha tại huyện Hoa Lư.
- Do chuyển sang đất nông nghiệp khác 4,35 ha tại huyện Hoa Lư.
- Do chuyển sang đất ở tại nông thôn 24,03 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,27 ha; huyện Nho Quan 10,29 ha; huyện Kim Sơn 1,95 ha; huyện Yên Khánh 7,46 ha, huyện Hoa Lư 1,2 ha, thành phố Ninh Bình 2,86 ha.
- Do chuyển sang đất ở tại đô thị 1,03 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,33 ha; huyện Kim Sơn 0,7 ha.
- Do chuyển sang đất an ninh 2,56 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,16 ha; thành phố Tam Điệp 0,2 ha; huyện Gia Viễn 2,2 ha.
- Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 7,37 ha, trong đó tại huyện Nho Quan 7,11 ha; huyện Kim Sơn 0,03 ha; huyện Yên Khánh 0,01 ha; huyện Gia Viễn 0,12 ha; thành phố Ninh Bình 0,1 ha.

- Do chuyển sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 16,81 ha, trong đó: huyện Hoa Lư 1,2 ha; huyện Yên Khánh 10,18 ha; thành phố Ninh Bình 3,1 ha; huyện Nho Quan 2,33 ha.

- Do chuyển sang đất có mục đích công cộng 48,47 ha, trong đó: huyện Hoa Lư 1,04 ha; huyện Yên Mô 1,87 ha; huyện Nho Quan 8,05 ha; huyện Kim Sơn 22,93 ha, huyện Yên Khánh 4,98 ha; huyện Gia Viễn 1,69 ha; thành phố Ninh Bình 7,91 ha.

- Do chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 1,13 ha, tại huyện Kim Sơn.

- Do chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 1,87 ha, tại huyện Gia Viễn.

- Do chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,4 ha, tại huyện Kim Sơn.

- Do chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,14 ha, tại thành phố Ninh Bình.

b. Đất trồng cây hàng năm khác giảm: 18,12 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,5 ha tại huyện Yên Khánh.

- Do chuyển sang đất ở tại nông thôn 5,29 ha, trong đó tại huyện Yên Mô 0,07 ha; huyện Nho Quan 0,16 ha; huyện Kim Sơn 0,43 ha; huyện Yên Khánh 2,15 ha; thành phố Tam Điệp 1,39 ha; huyện Hoa Lư 0,22 ha, thành phố Ninh Bình 0,87 ha.

- Do chuyển sang đất ở tại đô thị 1,76 ha, tại thành phố Ninh Bình 0,24 ha; thành phố Tam Điệp 1,52 ha.

- Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,14 ha trong đó: huyện Yên Khánh 0,12 ha; thành phố Ninh Bình 0,02 ha.

- Do chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,58 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,4 ha; huyện Yên Khánh 0,18 ha.

- Do chuyển sang đất có mục đích công cộng 9,77 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,08 ha; huyện Kim Sơn 1,03 ha; huyện Yên Khánh 1,34 ha; thành phố Tam Điệp 3,65 ha; huyện Hoa Lư 0,34 ha, thành phố Ninh Bình 3,33 ha.

- Do chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,08 ha tại huyện Gia Viễn.

c. Đất trồng cây lâu năm giảm: 43,86 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,31 ha, trong đó huyện Yên Mô 0,01 ha; huyện Nho Quan 0,66 ha; huyện Kim Sơn 1,32 ha; thành phố Ninh Bình 0,17 ha; thành phố Tam Điệp 0,15 ha.

- Do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,66 ha, trong đó: thành phố Tam Điệp 0,12 ha; huyện Nho Quan 0,13 ha, huyện Kim Sơn 0,11 ha; thành phố Ninh Bình 0,26 ha; huyện Hoa Lư 0,05 ha.

- Do chuyển sang đất an ninh 0,1 ha tại thành phố Tam Điệp.

- Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,62 ha tại thành phố Tam Điệp.

- Do chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,05 ha tại huyện Hoa Lư.

- Do chuyển sang đất có mục đích công cộng 39,83 ha, trong đó huyện Yên Mô 0,05 ha; huyện Nho Quan 0,02 ha; huyện Kim Sơn 0,51ha; huyện Yên Khánh 0,08 ha; huyện Gia Viễn 0,04 ha; thành phố Tam Điệp 39,03 ha; huyện Hoa Lư 0,01 ha, thành phố Ninh Bình 0,09 ha.

- Do chuyển sang đất tôn giáo 0,29 ha, trong đó huyện Yên Mô 0,13 ha; huyện Nho Quan 0,09 ha; huyện Gia Viễn 0,07 ha.

d. Đất rừng sản xuất giảm: 2,21 ha do chuyển sang đất công cộng tại thành phố Tam Điệp.

e. Đất rừng phòng hộ giảm: 3,23 ha do chuyển sang đất công cộng của huyện Kim Sơn.

f. Đất nuôi trồng thủy sản giảm: 6,79 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,69 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,28 ha; huyện Yên Mô 0,1 ha; huyện Kim Sơn 1,11 ha; thành phố Tam Điệp 0,01 ha; huyện Hoa Lư 0,14 ha; thành phố Ninh Bình 0,05 ha.

- Do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,37 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,02 ha; huyện Kim Sơn 0,1 ha, thành phố Ninh Bình 0,25 ha.

- Do chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,78 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 1,12 ha; huyện Hoa Lư 0,66 ha.

- Do chuyển sang đất có mục đích công cộng 2,78 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,18 ha; huyện Kim Sơn 2,01 ha; huyện Yên Khánh 0,09 ha; huyện Gia Viễn 0,17 ha; thành phố Ninh Bình 0,33 ha.

- Do chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,17 ha tại huyện Yên Mô.

g. Đất nông nghiệp khác tăng: 5,33 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất nông nghiệp khác thực tăng:** 5,34 ha trong đó

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 4,35 ha tại huyện Hoa Lư.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha tại huyện Yên Khánh.

+ Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,45 ha tại huyện Hoa Lư.

+ Do chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,04 ha tại huyện Hoa Lư.

- **Đất nông nghiệp khác thực giảm:** 0,01 ha do chuyển sang đất công cộng 0,01 ha tại thành phố Ninh Bình.

2.2. Đất phi nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 của tỉnh: 37.263 ha so với thống kê đất đai năm 2021 tăng 185 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn tăng 35 ha.
- Đất ở tại đô thị tăng 9 ha.
- Đất an ninh tăng 4 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 8 ha.
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng 20 ha.
- Đất có mục đích công cộng tăng 109 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo tăng 2 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 4 ha.

*** Phân tích biến động:**

a. Đất ở tại nông thôn tăng: 35,48 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất ở tại nông thôn thực tăng** 35,93 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 24,03 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 7,46 ha; huyện Yên Mô 0,27 ha; huyện Nho Quan 10,29 ha; huyện Hoa Lư 1,2 ha; thành phố Ninh Bình 2,86 ha; huyện Kim Sơn 1,95 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,29 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 2,15 ha; huyện Yên Mô 0,07 ha; huyện Nho Quan 0,16 ha; thành phố Tam Điệp 1,39 ha; huyện Hoa Lư 0,22 ha; thành phố Ninh Bình 0,87 ha; huyện Kim Sơn 0,43 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 2,31 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,01 ha; huyện Nho Quan 0,66 ha; thành phố Tam Điệp 0,14 ha; thành phố Ninh Bình 0,17 ha; huyện Kim Sơn 1,33 ha.

+ Do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 1,69 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,1 ha; huyện Nho Quan 0,28 ha; thành phố Tam Điệp 0,01 ha; huyện Hoa Lư 0,14 ha; thành phố Ninh Bình 0,05 ha; huyện Kim Sơn 1,11 ha.

+ Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 1,66 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,74 ha; huyện Nho Quan 0,4 ha; thành phố Tam Điệp 0,07 ha; huyện Hoa Lư 0,18 ha; thành phố Ninh Bình 0,27 ha.

+ Do chuyển từ đất cơ sở tín ngưỡng 0,02 ha tại thành phố Tam Điệp.

+ Do chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,01 ha tại thành phố Ninh Bình.

+ Do chuyển sang từ đất bằng chưa sử dụng 0,12 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Nho Quan 0,02 ha; thành phố Ninh Bình 0,04 ha.

+ Do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng 0,8 ha tại huyện Nho Quan.

- **Đất ở tại nông thôn thực giảm** 0,45 ha trong đó:

+ Do chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,03 ha tại huyện Nho Quan.

+ Do chuyển sang đất công cộng 0,42 ha, trong đó: huyện Kim Sơn 0,07 ha; huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Gia Viễn 0,22 ha; thành phố Tam Điệp 0,05 ha.

b. Đất ở tại đô thị tăng: 8,69 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất ở đô thị thực giảm** 0,01 ha do chuyển sang đất có mục đích công cộng tại huyện Kim Sơn.

- **Đất ở đô thị thực tăng** 8,70 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 1,03 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,33 ha; huyện Kim Sơn 0,7 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,76 ha, trong đó: thành phố Tam Điệp 1,52 ha; thành phố Ninh Bình 0,24 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,66 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,13 ha; huyện Kim Sơn 0,11 ha; thành phố Tam Điệp 0,12 ha; huyện Hoa Lư 0,05 ha, thành phố Ninh Bình 0,25 ha.

+ Do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,37 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,02 ha, huyện Kim Sơn 0,1 ha; thành phố Ninh Bình 0,25 ha.

+ Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 1,58 ha, trong đó: huyện Kim Sơn 0,02 ha; thành phố Tam Điệp 0,03 ha; thành phố Ninh Bình 1,53 ha.

+ Do chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,17 ha tại thành phố Tam Điệp.

+ Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 3,13 ha tại thành phố Ninh Bình.

c. Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm: 0,01 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể: chuyển 0,01 ha sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại huyện Kim Sơn.

d. Đất an ninh tăng: 3,96 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển từ đất lúa 2,56 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,16 ha; huyện Gia Viễn 2,20 ha; thành phố Tam Điệp 0,2 ha.

- Do chuyển từ đất cây lâu năm 0,1 ha tại thành phố Tam Điệp.

- Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,72 ha tại huyện Gia Viễn.

- Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,58 ha tại huyện Gia Viễn.

e. Đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng: 8,08 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp thực giảm:** 0,48 ha do chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,48 ha, trong đó: huyện Kim Sơn 0,04 ha, thành phố Ninh Bình 0,44 ha.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp thực tăng:** 8,56 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 7,37 ha, trong đó: huyện Nho Quan 7,12 ha; huyện Kim Sơn 0,03 ha; huyện Yên Khánh 0,01 ha; huyện Gia Viễn 0,12 ha; thành phố Ninh Bình 0,1 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,14 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,12 ha; thành phố Ninh Bình 0,02 ha.

+ Do chuyển từ đất cây lâu năm 0,62 ha tại thành phố Tam Điệp.

+ Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,31 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,15 ha; huyện Kim Sơn 0,01 ha; huyện Yên Khánh 0,05 ha; thành phố Tam Điệp 0,06 ha; thành phố Ninh Bình 0,04 ha.

+ Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,09 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,01 ha; thành phố Ninh Bình 0,08 ha.

+ Do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng 0,03 ha tại huyện Nho Quan

f. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng: 19,93 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thực giảm** 1,57 ha trong đó:

+ Do chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,22 ha, trong đó: thành phố Tam Điệp 0,15 ha; thành phố Ninh Bình 0,07 ha.

+ Do chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 1,35 ha tại huyện Nho Quan.

- **Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thực tăng** 21,50 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 16,81 ha, trong đó: huyện Nho Quan 2,32 ha; huyện Yên Khánh 10,18 ha; huyện Hoa Lư 1,2 ha; thành phố Ninh Bình 3,1 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,58 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,4 ha; huyện Yên Khánh 0,18 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,05 ha tại huyện Hoa Lư

+ Do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 1,78 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 1,12 ha; huyện Hoa Lư 0,66 ha.

+ Do chuyển từ đất ở nông thôn 0,03 ha tại huyện Nho Quan.

+ Do chuyển từ đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha tại huyện Kim Sơn.

+ Do chuyển từ đất có mục đích công cộng 1,62 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 1,01 ha; huyện Hoa Lư 0,2 ha; thành phố Ninh Bình 0,41 ha.

+ Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,62 ha tại huyện Yên Khánh

g. Đất có mục đích công cộng tăng: 109,40 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất có mục đích công cộng thực giảm** 6,51 ha trong đó:

+ Do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,45 ha tại huyện Hoa Lư.

+ Do chuyển sang đất ở nông thôn 1,66 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,4 ha; huyện Yên Khánh 0,73 ha; thành phố Tam Điệp 0,07 ha; huyện Hoa Lư 0,18 ha; thành phố Ninh Bình 0,27 ha

+ Do chuyển sang đất ở đô thị 1,58 ha trong đó: thành phố Tam Điệp 0,03 ha; thành phố Ninh Bình 1,53 ha; huyện Kim Sơn 0,02 ha.

+ Do chuyển sang đất an ninh 0,72 ha tại huyện Gia Viễn

+ Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,31 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,15 ha; huyện Kim Sơn 0,01 ha; huyện Yên Khánh 0,05 ha; thành phố Tam Điệp 0,06 ha; thành phố Ninh Bình 0,04 ha.

+ Do chuyển sang đất sản xuất kinh phi nông nghiệp 1,62 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 1,01 ha; huyện Hoa Lư 0,2 ha; thành phố Ninh Bình 0,41 ha.

+ Do chuyển sang đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,17 ha tại huyện Gia Viễn.

- Đất có mục đích công cộng thực tăng 115,91 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 48,47 ha, trong đó tại huyện Yên Mô 1,87 ha; huyện Nho Quan 8,05 ha; huyện Kim Sơn 22,93 ha; huyện Yên Khánh 4,98 ha; huyện Gia Viễn 1,69 ha; huyện Hoa Lư 1,04 ha; thành phố Ninh Bình: 7,91 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 9,77 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,08 ha; huyện Kim Sơn 1,03 ha; huyện Yên Khánh 1,34 ha; thành phố Tam Điệp 3,65 ha; huyện Hoa Lư 0,34 ha; thành phố Ninh Bình 3,33 ha.

+ Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 39,83 ha, trong đó: huyện Yên Mô 0,05 ha; huyện Nho Quan 0,02 ha; huyện Kim Sơn 0,51 ha; huyện Yên Khánh 0,08 ha; huyện Gia Viễn 0,04 ha; thành phố Tam Điệp 39,04 ha; huyện Hoa Lư 0,01 ha; thành phố Ninh Bình 0,09 ha.

+ Do chuyển từ đất rừng sản xuất 2,21 ha tại thành phố Tam Điệp.

+ Do chuyển từ đất rừng phòng hộ 3,23 ha tại huyện Kim Sơn.

+ Do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 2,78 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,18 ha; huyện Kim Sơn 2,01 ha; huyện Yên Khánh 0,09 ha; huyện Gia Viễn 0,17 ha; thành phố Ninh Bình 0,33 ha.

+ Do chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,01 ha tại thành phố Ninh Bình.

+ Do chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,42 ha, trong đó: huyện Kim Sơn 0,07 ha; huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Gia Viễn 0,22 ha; thành phố Tam Điệp 0,05 ha.

+ Do chuyển từ đất ở tại đô thị 0,01 ha tại huyện Kim Sơn.

+ Do chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,49 ha, trong đó: huyện Kim Sơn 0,04 ha; huyện Yên Khánh 0,01 ha; thành phố Ninh Bình 0,44 ha.

+ Do chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,22 ha, trong đó: thành phố Tam Điệp 0,15 ha; thành phố Ninh Bình 0,07 ha.

+ Do chuyển từ đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,38 ha, trong đó: thành phố Ninh Bình 0,03 ha; huyện Gia Viễn 0,02 ha; thành phố Tam Điệp 0,33 ha.

+ Do chuyển từ đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4,45 ha, trong đó: thành phố Tam Điệp 0,64 ha; huyện Kim Sơn 3,2 ha; huyện Yên Khánh 0,6 ha.

+ Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 2,97 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Kim Sơn 1,86 ha; huyện Nho Quan 0,03 ha; thành phố Ninh Bình 0,25 ha; huyện Gia Viễn 0,65 ha; huyện Hoa Lư 0,02 ha; thành phố Tam Điệp 0,1 ha.

+ Do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng 0,67 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,65 ha; thành phố Tam Điệp 0,02 ha.

h. Đất cơ sở tôn giáo tăng: 1,59 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển từ đất trồng lúa 1,13 ha tại huyện Kim Sơn.

- Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,29 ha, trong đó: huyện Gia Viễn 0,07 ha; huyện Nho Quan 0,09 ha; huyện Yên Mô 0,13 ha.

- Do chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,17 ha tại huyện Yên Mô.

i. Đất cơ sở tín ngưỡng tăng: 0,25 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất cơ sở tín ngưỡng thực giảm** 0,02 ha do chuyển sang đất ở nông thôn tại thành phố Tam Điệp.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng thực tăng** 0,27 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm trong đó: huyện Yên Mô 0,03 ha; huyện Nho Quan 0,24 ha.

k. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng: 1,58 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thực giảm** 0,56 ha trong đó:

+ Do chuyển sang đất ở nông thôn 0,01 ha tại thành phố Ninh Bình.

+ Do chuyển sang đất ở đô thị 0,17 ha tại thành phố Tam Điệp.

+ Do chuyển sang đất công cộng 0,38 ha, trong đó: huyện Gia Viễn 0,02 ha; thành phố Tam Điệp 0,33 ha; thành phố Ninh Bình 0,03 ha.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thực tăng** 2,14 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 1,87 ha tại huyện Gia Viễn.

+ Do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,08 ha tại huyện Gia Viễn.

+ Do chuyển từ đất công cộng 0,17 ha tại huyện Gia Viễn.

+ Do chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha tại huyện Gia Viễn.

l. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm: 4,44 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất công cộng 4,44 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,6 ha; huyện Kim Sơn 3,2 ha; thành phố Tam Điệp 0,64 ha.

m. Đất có mặt nước chuyên dùng giảm: 0,04 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,04 ha tại huyện Hoa Lư.

2.3. Đất chưa sử dụng đến ngày 31/12/2022 của toàn tỉnh: 4.292 ha so với thông kê năm 2021 giảm 7,55 ha, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng giảm 6,04 ha.

- Đất đồi núi chưa sử dụng giảm 1,51 ha.

***Phân tích biến động:**

a. Đất bằng chưa sử dụng giảm: 6,04 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022.

- **Đất bằng chưa sử dụng thực giảm** 7,53 ha trong đó:

+ Do chuyển sang đất ở nông thôn 0,12 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Nho Quan 0,02 ha; thành phố Ninh Bình 0,04 ha

+ Do chuyển sang đất ở đô thị 3,13 ha tại thành phố Ninh Bình.

+ Do chuyển sang đất an ninh 0,58 ha tại huyện Gia Viễn.

+ Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,09 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,01 ha; thành phố Ninh Bình 0,08 ha.

+ Do chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,62 ha tại huyện Yên Khánh.

+ Do chuyển sang đất công cộng 2,97 ha, trong đó: huyện Yên Khánh 0,06 ha; huyện Nho Quan 0,03 ha; huyện Kim Sơn 1,86 ha; huyện Gia Viễn 0,65 ha; thành phố Tam Điệp 0,1 ha; huyện Hoa Lư 0,02 ha, thành phố Ninh Bình 0,25 ha.

+ Do chuyển sang đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha tại huyện Gia Viễn.

- **Đất bằng chưa sử dụng thực tăng** 1,49 ha trong đó:

+ Do chuyển từ đất trồng lúa 0,14 ha tại thành phố Ninh Bình

+ Do chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,35 ha tại huyện Nho Quan

b. Đất đồi núi chưa sử dụng giảm: 1,51 ha do thực hiện theo các quyết định biến động trong năm 2022 cụ thể:

- Do chuyển sang đất ở nông thôn 0,8 ha tại huyện Nho Quan

- Do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,03 ha tại huyện Nho Quan

- Do chuyển sang đất công cộng 0,68 ha, trong đó: huyện Nho Quan 0,65 ha; thành phố Tam Điệp 0,03 ha.

(Chi tiết tại các biểu 01/TKĐĐ, biểu 02/TKĐĐ, biểu 03/TKĐĐ, biểu 04/TKĐĐ, biểu 05/TKĐĐ, 11/TKĐĐ, 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ, 15/TKĐĐ)

3. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm:

* *Diện tích biến động giảm trong kỳ thống kê/kỳ kế hoạch, cụ thể:*

- Đất lúa kỳ thống kê chuyển đi 108 ha/2216 ha kế hoạch đề ra.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển đi 18 ha/453 ha kế hoạch đề.
 - Đất trồng cây lâu năm chuyển đi 44 ha/978 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất rừng sản xuất chuyển đi 2 ha/218 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất rừng phòng hộ chuyển đi 3 ha/101 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất đặc dụng chuyển đi 0 ha/2 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất nuôi trồng thủy sản chuyển đi 7 ha/439 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất nông nghiệp khác chuyển đi 0 ha/9 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất ở nông thôn chuyển đi 0 ha/57 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất ở đô thị chuyển đi 0 ha/10 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất trụ sở cơ quan chuyển đi 0 ha/7 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất quốc phòng chuyển đi 0 ha/3 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp chuyển đi 1 ha/24 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chuyển đi 2 ha/86 ha kế hoạch.
 - Đất có mục đích công cộng chuyển đi 7 ha/263 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất nghĩa trang, nghĩa địa,... chuyển đi 1 ha/21 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất sông chuyển đi 4 ha/53 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất mặt nước chuyên dùng chuyển đi 0 ha/14 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất bằng chưa sử dụng chuyển đi 8 ha/253 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất đồi núi chưa sử dụng chuyển đi 2 ha/6 ha kế hoạch đề ra.
 - Đất núi đá không có rừng cây chuyển đi 0 ha/1 ha kế hoạch đề ra.
- * Diện tích chuyển đến trong kỳ thống kê/kỳ kế hoạch.*

Trong kỳ kiểm kê do thực hiện chỉnh lý sai sót kỳ kiểm kê trước, đồng thời các xã thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính nên diện tích chuyển đến các loại đất nông nghiệp tương đối lớn. Cụ thể:

- Đất trồng cây lâu năm chuyển đến 0 ha/27 ha kế hoạch đề ra.
- Đất rừng phòng hộ chuyển đến 0 ha/300 ha kế hoạch đề ra.
- Đất nông nghiệp khác chuyển đến 5 ha/133 ha kế hoạch đề ra.
- Đất ở nông thôn chuyển đến 36 ha/770 ha kế hoạch đề ra.
- Đất ở đô thị chuyển đến 9 ha/316 ha kế hoạch đề ra.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển đến 0 ha/6 ha kế hoạch đề ra.
- Đất quốc phòng chuyển đến 0 ha/12 ha kế hoạch đề ra.
- Đất an ninh chuyển đến 4 ha/23 ha kế hoạch đề ra.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp chuyển đến 9 ha/230 ha kế hoạch đề ra.
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chuyển đến 21 ha/1578 ha kế hoạch đề ra.
- Đất có mục đích công cộng chuyển đến 116 ha/1681 ha kế hoạch đề ra.
- Đất tôn giáo chuyển đến 2 ha/11 ha kế hoạch đề ra.

- Đất cơ sở tín ngưỡng chuyển đến 0 ha/4 ha kế hoạch đề ra.
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa,... chuyển đến 2 ha/20 ha kế hoạch đề ra.
- Đất sông ngòi, kênh rạch, suối chuyển đến 0 ha/ 43 ha kế hoạch đề ra.
- Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển đến 0 ha/41 ha kế hoạch đề ra.

(Chi tiết tại Biểu 15/TKĐĐ)

4. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện:

Tổng diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện trong kỳ thống kê năm 2022 là 23,21 ha.

* Loại đất theo quyết định: 23,21 ha trong đó:

- Đất ở: 19,6 ha trong đó 16,14 ha là đất ở nông thôn, 3,46 ha đất ở đô thị.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2,85 ha.
- Đất có mục đích công cộng 0,76 ha.

* Loại đất theo hiện trạng 23,21 ha trong đó:

- Đất nông nghiệp 8,85ha;
- + Đất trồng lúa 5,41 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 3,43 ha.
- Đất phi nông nghiệp 0,63 ha tại đất có mục đích công cộng.
- Đất chưa sử dụng 13,74 ha tại đất bằng chưa sử dụng.

(Chi tiết tại Biểu 05/TKĐĐ)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

- Thống kê đất đai năm 2022 được thực hiện đúng quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 24/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn tại Văn bản số 2670/TCQLĐĐ-CKSQLSDĐ ngày 21/10/2022 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022.

- Kết quả thống kê đất đai năm 2022 sử dụng nguồn tài liệu tổng hợp, điều tra, chỉnh lý biến động từ các khoanh đất khép kín, địa giới hành chính các đơn vị cấp xã, tính diện tích theo công nghệ số và được tổng hợp bằng phần mềm chuyên dùng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp độc quyền không sử dụng bằng hệ thống khác nên có độ chính xác cao.

2. Khó khăn, tồn tại:

- Việc thống kê đất đai năm 2022 của tỉnh Ninh Bình bị chậm do còn một số tồn tại, vướng mắc trong quá trình tổng hợp biểu thống kê trên hệ thống phần mềm Tkonline (<http://TKonline.gdl.gov.vn/>).

- Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho kỳ thống kê của đội ngũ cán bộ chuyên môn của cấp huyện và cấp xã còn hạn chế. Việc sử dụng

phần mềm của Tổng cục Quản lý đất đai đã xây dựng (TK Desktop) để biên tập bản đồ khoanh đất và tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp xã hầu như các công chức địa chính chưa sử dụng được.

Trên đây là kết quả thống kê đất đai năm 2022, UBND tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, VP3,4.
Ttt_VP3_BC01

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Sơn